



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 17 (từ 23/04 – 27/04/2018)



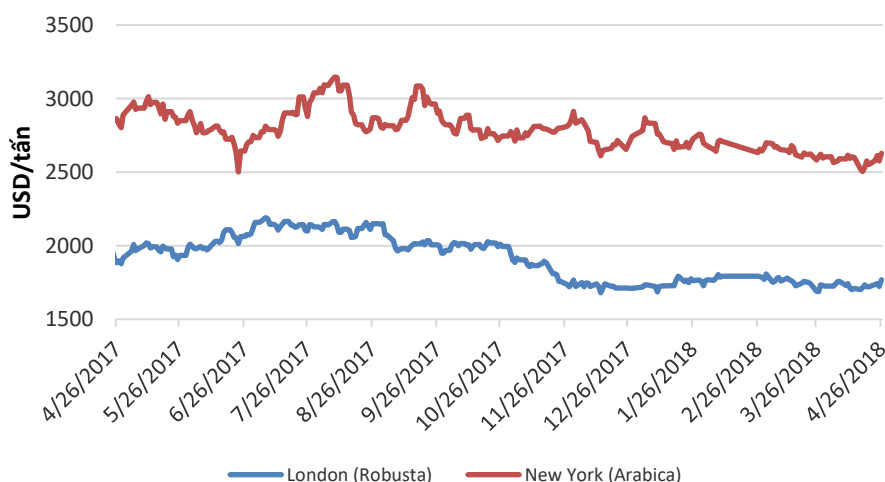
ĐIỂM TIN

Giá Robusta và Arabica kỳ hạn tuần này tăng nhẹ so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê Uganda và Ethiopia đầu niên vụ 2017/18 tăng

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.742,5 USD/tấn, tăng 1,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 19% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.768 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.724 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.599 USD/tấn, tăng 2,45% so với tuần trước và thấp



hơn 15% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.628 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.576 USD/tấn [1].

Cơ quan phát triển cà phê Uganda cho biết, xuất khẩu cà phê tháng 3/2018 của nước này đạt 333.346 bao, thấp hơn 18,7% so với cùng kỳ năm trước (giảm 76.570 bao). Như vậy, lũy kế xuất khẩu cà phê Uganda trong 6 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 2,3 triệu bao, tăng 3,72% so với cùng kỳ niên vụ trước [4].

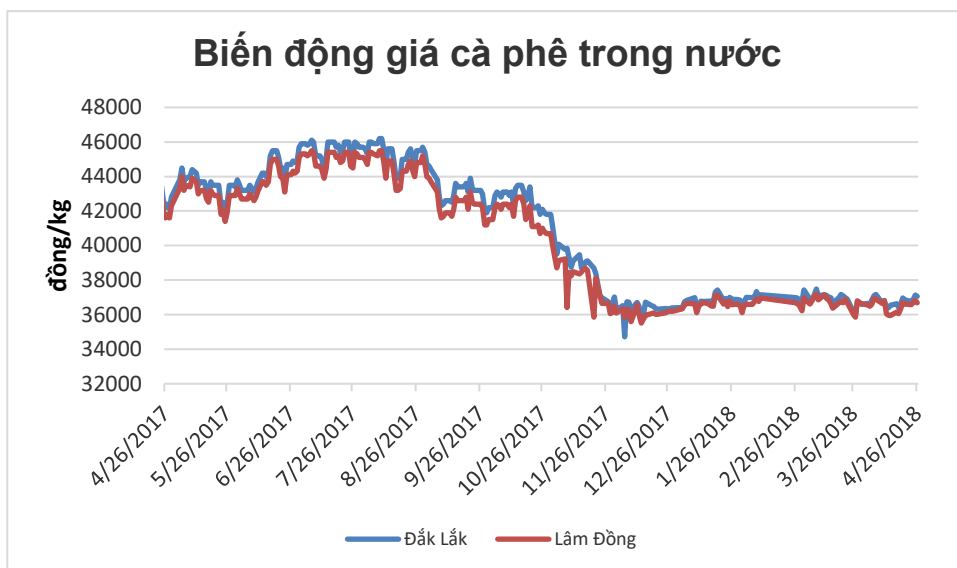
Xuất khẩu cà phê Ethiopia trong 8 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 2,29 triệu bao, tăng 21,8% so với cùng kỳ niên vụ trước (niên vụ cà phê của Ethiopia bắt đầu từ tháng 7/2017 – 6/2018). Kim ngạch thu về từ xuất khẩu cà phê của nước này đạt 481,86 triệu USD, tăng 10,95% so với cùng kỳ năm ngoái [2].

Tổ chức tài chính Marex Spectron dự báo sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2018/19 có thể đạt 61 triệu bao, mức sản lượng cao nhất từ trước tới nay. Như vậy, tổng nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ tới sẽ dư thừa khoảng 5 triệu bao so với nhu cầu tiêu thụ ước tính [8].

**ĐIỂM TIN**

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng nhẹ theo xu hướng giá cà phê quốc tế

Xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 4/2018 tăng 21,5% so với cùng kỳ năm ngoái

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 36.955 đ/kg, tăng 250 đồng so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 314 đồng đạt 36.696 đ/kg, vẫn thấp hơn 20,5% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này cũng tăng nhẹ theo xu hướng thị trường thế giới. Giá cà phê xuất khẩu tuần này đạt 1.678 USD/tấn, tăng 2,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 16,6% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo số liệu thống kê Hải quan, xuất khẩu cà phê từ ngày 01/4 – 15/4/2018 đạt 80,9 nghìn tấn, kim ngạch thu về đạt 153,6 triệu USD, tăng lần lượt 21,5% và 1,4% về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm ngoái [7].

Tổ chức tài chính Sucden Financial tại Anh dự báo sản lượng vụ mùa 2018/19 của Việt Nam sẽ đạt 28,1 triệu bao, giảm 1,4 nghìn bao so với mức sản lượng ước tính niên vụ 2017/18 là 29,5 triệu bao [10].



Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://greencoffeeassociation.org/>
- [4]. <https://scasa.co.za/blogs/market-reports>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>
- [9]. <https://tintaynguyen.com/nong-nghiep/>
- [10]. Reuters



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4 (nghỉ lễ)	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.767	36.833		36.867	36.900	50
Ea H'leo (xôvối)	36.767	36.933		37.167	37.000	200
Krông Năng (xôvối)	36.733	36.800		37.033	36.856	289
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	37.100	37.167		37.200	37.242	44
Ea H'leo (xôvối)	37.100	37.500		37.600	37.450	188
Krông Năng (xôvối)	36.900	37.000		37.200	37.033	233
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	36.500	36.650		36.600	36.638	255
Lâm Hà (xôvối)	36.700	36.900		36.600	36.825	456
Đà Lạt (xôchè)	45.667	45.667		46.667	46.167	-729
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	37.000	37.100		37.100	37.125	244
Lâm Hà (xôvối)	37.200	37.400		37.133	37.333	452
Đà Lạt (xôchè)	47.500	47.667		48.667	48.125	-594
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	37.000	37.000		37.000	37.000	238
Đắk R'lấp (xôvối)	36.933	36.933		36.733	36.867	133
Đắk Song (xôvối)	36.850	37.050		36.850	36.917	67
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	37.400	37.450		37.450	37.433	296
Đắk R'lấp (xôvối)	37.267	37.267		37.067	37.200	133
Đắk Song (xôvối)	37.250	37.400		37.200	37.283	83



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.733	36.967		36.700	36.800	142
Pleiku (xôvối)	36.800	36.933		36.767	36.833	133
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.833	37.067		36.850	36.917	150
Pleiku (xôvối)	36.900	37.067		36.867	36.944	136
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	36.578	36.694		36.689	36.696	342
Đắk Hà (xôvối)	36.806	36.897		36.898	36.874	219
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	37.111	37.211		37.244	37.228	345
Đắk Hà (xôvối)	37.115	37.224		37.223	37.210	213

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

